

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 2 (Đợt 1)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 10 – 11/2/2022

Ngày cung cấp TT: 12/2/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở
2	2	Công Hữu Bị	Công mở
3	3	Công Cốc Thành	Công mở
4	4	Công sông Chanh	Công mở
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng
7	7	Công Cỏ Đam	Công mở
8	8	Công Vĩnh Trị	Công mở
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công đóng
11	16	Đập Vừa (CG12)	Đập mở

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh:

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp:

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đầu kênh S48, Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào.

Tiếp tục thực hiện mở các cống khi mực nước ngoài sông cao tăng cường khả năng thau rửa hệ thống và tích nước phục vụ sản xuất.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 94%, gió B 8 km/h, mật độ mây 98%. Cống mở, đang tiêu nước ra sông Hồng, dòng chảy trung bình. Nước màu nâu vàng.	7.16	72.8	4.70	0.2	0.528	0.419	364	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 96%, gió B 8 km/h, mật độ mây 100%. Cống mở, dòng chảy chậm, đang tiêu nước ra sông. Nước màu vàng lục.	7.04	45.7	5.30	0.3	0.552	0.482	433	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 95%, gió TB 3 km/h, mật độ mây 100%. Cống mở, đang tiêu nước ra sông, dòng chảy trung bình. Nước màu vàng nhạt.	7.49	66.0	5.70	0.4	0.490	0.545	508	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 90%, gió TB 6 km/h, mật độ mây 95%. Cống mở, dòng chảy trung bình. Nước màu vàng đục, nhiều bèo rác trôi trên sông.	7.10	117.0	5.32	0.6	0.567	0.839	762	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 99%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, không có dòng chảy, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.37	39.4	5.46	0.3	0.365	0.812	481	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
		thống cuối kênh Như Trác.									
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 90%, gió B 11 km/h, mật độ mây 99%. Công đóng, không có dòng chảy, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.28	45.2	5.86	0.4	0.497	0.790	537	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
7	Công Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 90%, gió B 11 km/h, mật độ mây 98%. Công mở, dòng chảy trung bình. Nước màu vàng.	7.20	30.5	5.57	0.4	0.474	0.614	556	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
8	Công Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 89%, gió TB 6 km/h, mật độ mây 95%. Công mở, dòng chảy chậm. Nước màu vàng lục, có bèo trôi trên sông.	7.21	35.6	5.75	0.4	0.458	0.812	570	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 95%, gió TB 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm. Nước màu vàng. Hai	7.10	62.2	5.48	0.4	0.637	0.635	493	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
		dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	bờ có bèo.								
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 90%, gió B 8 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm hướng ra sông Chanh. Nước màu vàng đục.	6.43	94.0	4.05	0.5	0.559	5.400	671	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 95%, gió B 8 km/h, mật độ mây 98%. Dòng chảy chậm. Nước màu vàng lục.	7.24	54.2	5.35	0.4	0.583	0.596	437	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường thấp hơn giới hạn cho phép B1
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhạt, t° = 14°C, độ ẩm 91%, gió B 8 km/h, mật độ mây 98%. Không có dòng chảy, cống đóng. Nhiều bèo, rác thải dôn ú hai bên cống. Nước màu vàng lục.	7.17	49.5	5.40	0.4	0.350	0.815	492	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 99%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, cống đóng. TB không hoạt động. Nước màu nâu đục.	7.15	67.0	5.43	0.4	0.606	0.934	594	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 95%, gió TB 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy rất chậm. Nước màu vàng lục. Chân đập có nhiều rác thải sinh hoạt.	6.48	52.0	4.89	0.3	0.559	0.844	438	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 89%, gió TB 6 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy chậm. Nước màu vàng lục. Nhiều rác hai bên kênh.	7.20	68.0	5.44	0.4	0.583	0.945	579	Giá trị DO thấp hơn so với giới hạn B1 cho phép của quy chuẩn
16	Đập Vù (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 94%, gió B 8 km/h, mật độ mây 98%. Cống mở, dòng chảy trung bình, nhiều bèo và rác thải trên kênh. Nước màu nâu đục.	6.94	69.5	4.39	0.3	0.591	1.271	462	Giá trị DO thấp hơn so với giới hạn B1 cho phép của quy chuẩn
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 91%, gió B 8 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy rất chậm về hướng Hữu Bị. Nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ. Nước màu vàng lục,	7.18	57.7	4.26	0.4	0.660	1.478	502	Giá trị DO thấp hơn so với giới hạn B1 cho phép của quy chuẩn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			hai bên kênh nhiều bèo.								
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 90%, gió B 11 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy chậm hướng về Cỏ Đam. Nước màu vàng lục.	7.17	67.7	5.32	0.4	0.451	0.844	546	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 91%, gió TB 6 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm. Nước màu vàng đục. Nhận nước thải KCN Bảo Minh.	7.62	78.6	5.10	1.5	0.559	5.625	1840	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 91%, gió B 8 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy rất chậm. Nước màu vàng.	7.11	84.0	5.19	0.3	0.567	0.972	483	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2022

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC